

NGHỆ THUẬT SỬ DỤNG BẠO LỰC CÁCH MẠNG TRONG TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN NĂM 1975

PGS, TS NGÔ VĂN HÀ

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

Ngày nhận:

22-3-2025

Ngày thẩm định, đánh giá:

3-4-2025

Ngày duyệt đăng:

8-4-2025

Tóm tắt: Trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, Đảng chủ trương: Giải phóng miền Nam bằng bạo lực cách mạng, tổng công kích đi trước một bước, tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy; tổ chức lực lượng theo thể trận chiến tranh nhân dân, phân tán địch trên toàn chiến trường, tập trung lực lượng đánh vào chiến trường quan trọng; phương pháp tác chiến liên hoàn, chia cắt bao vây, chặn đường rút lui để tiêu diệt địch; tổng công kích, tổng khởi nghĩa thần tốc giải phóng Sài Gòn. Hơn 50 ngày đêm, quân và dân ta đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, non sông thu về một mối.

Từ khóa:

Phương pháp cách mạng; Tổng tiến công và nổi dậy, mùa Xuân năm 1975

1. Đảng nhận định thời cơ lịch sử, giải phóng miền Nam bằng bạo lực cách mạng, với hình thức tổng công kích đi trước một bước, tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy

Nhận định đúng thời cơ có ý nghĩa to lớn trong việc ra quyết định để thực hiện thành công mục tiêu cách mạng. Thời cơ thường diễn ra nhanh, trong thời gian ngắn, do đó việc tranh thủ chớp thời cơ là rất quan trọng. Sau Hiệp định Paris, Đảng nhận định: thế và lực cách mạng miền Nam đang phát triển vững chắc; đế quốc Mỹ đang lâm vào suy thoái kinh tế, mâu thuẫn nội bộ gay gắt, “không có khả năng quay trở lại”¹

miền Nam; chính quyền Việt Nam Cộng hòa rơi vào khủng hoảng toàn diện; thời cơ giải phóng miền Nam đã đến.

Từ ngày 30-9 đến ngày 8-10-1974, Bộ Chính trị họp bàn nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước, nhấn mạnh phải “chuẩn bị thật khẩn trương, tạo điều kiện và cơ sở vật chất đầy đủ nhất để đánh mạnh, đánh nhanh, thắng gọn và thắng triệt để trong hai năm 1975, 1976”, “thời cơ này không cho phép lừng chừng, do dự!”². Tiếp đó, ngày 7-1-1975, Hội nghị Bộ Chính trị bàn về tình hình và nhiệm vụ cuộc chống Mỹ, cứu nước nêu rõ: “nắm vững thời cơ lịch sử, mở nhiều chiến dịch tổng hợp liên

tiếp, đánh những trận quyết định, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới thống nhất Tổ quốc”³ Đây là quyết định lịch sử kịp thời, đúng lúc thể hiện tư duy sắc bén, khoa học và tầm nhìn chiến lược của Đảng. Nếu chậm trễ, thời cơ sẽ qua đi.

Đầu năm 1975, Đảng khẳng định: chiến tranh cách mạng ở miền Nam “cũng là quy luật cơ bản của bạo lực cách mạng”⁴. Bạo lực cách mạng ở miền Nam là bạo lực cách mạng quần chúng, bạo lực của chiến tranh cách mạng nên hình thức rất phong phú, đa dạng. Đánh địch bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị và binh vận; tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược: đô thị, nông thôn đồng bằng và nông thôn rừng núi. Hình thức cơ bản của bạo lực cách mạng là đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự, kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự. Điểm sáng tạo của Đảng là từ thực tiễn chiến trường, tương quan so sánh lực lượng hai bên, từ âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, Đảng đưa ra hình thức bạo lực cách mạng phù hợp để phát huy ưu thế của lực lượng chính trị, lực lượng quân sự, đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự, cũng như kết hợp hai hình thức đấu tranh này một cách hiệu quả.

Trên chiến trường miền Nam, Quân đội Việt Nam Cộng hòa đang lâm vào khủng hoảng, nhưng số lượng vẫn đông, lên tới “1.351.000 quân, trong đó có 495.000 quân chủ lực, 475.000 quân địa phương, 381.000 quân phòng vệ dân sự có vũ trang, gồm 13 sư đoàn chủ lực, 18 liên đoàn biệt động quân”⁵, lại được Mỹ viện trợ về quân sự, kinh tế. Muốn giải phóng miền Nam, phải tiêu diệt và làm tan rã lực lượng Quân đội Việt Nam Cộng hòa, phải tấn công vào sào huyệt của chúng là thành thị, đánh đổ ngụy quyền Sài Gòn, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân. Nghị quyết của Bộ Chính trị ngày 20-1-1975 “Về quyết tâm

hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam” chỉ rõ: “tổng công kích có ý nghĩa quyết định, phải đi trước một bước, tiêu diệt và làm chủ, làm chủ để tiêu diệt, siết chặt bao vây đô thị, làm suy yếu, tiến tới đè bẹp cho được quân ngụy thì mới tạo được điều kiện thuận lợi cho quần chúng đô thị nổi dậy”⁶. Như vậy, hình thức bạo lực cách mạng đã được phát triển ở cấp độ cao là tổng công kích, tổng khởi nghĩa, trong đó lực lượng quân sự thực hiện tổng công kích đi trước, tạo điều kiện cho quần chúng nổi dậy giành chính quyền. Trong Chiến dịch Tây Nguyên, Quân Giải phóng bắt ngờ tấn công vào điểm huyệt là Buôn Mê Thuật, làm rung chuyển hệ thống phòng thủ của Quân đội Việt Nam Cộng hòa. Ngày 31-3-1975, Hội nghị Bộ Chính trị nhận định thời cơ giải phóng Sài Gòn - Gia Định đã chín muồi, ta có đầy đủ lực lượng và khả năng để giành thắng lợi hoàn toàn trong một thời gian ngắn hơn dự kiến.

Thực tiễn lịch sử cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 cho thấy, nét đặc sắc về phương pháp bạo lực cách mạng trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 là kết hợp các đòn tiến công như vũ bão của các binh đoàn chủ lực cơ động với nổi dậy của quần chúng. Kết hợp tiến công với nổi dậy, tiêu diệt địch với giành quyền làm chủ, tạo sức mạnh áp đảo, trong đó đòn tiến công quân sự của bộ đội chủ lực đi trước một bước, nhằm trực tiếp tiêu diệt lực lượng quân sự của địch, quyết định thắng lợi cuối cùng của chiến tranh, trực tiếp hỗ trợ cho phong trào nổi dậy của quần chúng⁷.

2. Tổ chức lực lượng theo thể trận chiến tranh nhân dân, phân tán địch trên toàn chiến trường, tập trung lực lượng đánh vào chiến trường quan trọng

Trong giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh, các quân đoàn chủ lực của Quân đội Nhân dân Việt Nam được thành lập để thực hiện nhiệm vụ tổng

công kích, tiêu diệt quân chủ lực địch, chiếm lĩnh các căn cứ quân sự, giải phóng các khu vực bị chiếm đóng, tạo điều kiện cho đấu tranh chính trị phát triển. Quân đoàn 1 thành lập tháng 10-1973, Quân đoàn 2 thành lập tháng 5-1974, Quân đoàn 4 thành lập tháng 7-1974, Quân đoàn 3 thành lập tháng 3-1975), Đoàn 232 (quy mô tương đương quân đoàn) thành lập tháng 2-1975.

Bên cạnh các quân đoàn chủ lực mạnh, hiện đại được thành lập làm nhiệm vụ tiến công chiến lược, Đảng chủ trương “tích cực phát triển lực lượng dân quân du kích, bộ đội địa phương, các lực lượng vũ trang tác chiến ở thành thị (tự vệ, biệt động, đặc công, công binh, pháo cối chuyên trách, các đơn vị mũi nhọn) thực hiện sự cân đối giữa ba thứ quân bảo đảm ta càng đánh càng mạnh”⁸

Cùng với tăng cường lực lượng vũ trang, “ra sức phát triển lực lượng chính trị ở các đô thị, phát triển phong trào đấu tranh chính trị thành cao trào, để khi điều kiện đã chín muồi, thì kịp thời nắm vững thời cơ phối hợp tổng công kích mà thực hiện tổng khởi nghĩa đánh đổ chính quyền đầu não của địch ở đô thị”⁹. Với lực lượng như trên, bước vào Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, ta “có thể và lực mạnh hơn địch”, nhưng “cũng chưa có đủ khả năng sử dụng phương pháp tiến công chiến lược đồng thời trên toàn bộ chiến tuyến của địch”¹⁰. Do đó, phải tổ chức lực lượng theo thể trận chiến tranh nhân dân để chia cắt, kìm hãm, phân tán địch trên toàn chiến trường, bất ngờ đánh vào chiến trường chính đã lựa chọn là cần thiết.

Phát huy lợi thế, sức mạnh của thể trận chiến tranh nhân dân, dựa vào dân hoạt động, các tiểu đoàn, trung đoàn bộ đội địa phương của ta nằm sát ngay sau tuyến phòng thủ của Quân đội Việt Nam Cộng hòa, hình thành thể da báo (cài răng lược), làm cho đối phương bị bao vây, chia cắt lớn về chiến lược, phải dần mỏng quân đội phó. Thể trận chiến tranh nhân dân phát triển giúp quân

đoàn bộ đội chủ lực Quân Giải phóng (đứng chân ở phía Nam vĩ tuyến 17) lập thế tiến công phía Tây chiến tuyến của Quân đội Việt Nam Cộng hòa từ vĩ tuyến 17 đến Sài Gòn. Quân đoàn 2 Quân Giải phóng áp sát “phía Tây chiến tuyến của địch chỉ cách Huế - Đà Nẵng có ba bốn chục km, uy hiếp Huế, Đà Nẵng”¹¹. Quân đoàn 4 “có mặt ở sát ngay Sài Gòn, chỉ cách phía Tây, phía Bắc Sài Gòn khoảng 60 km”¹², uy hiếp Sài Gòn. Việc bố trí 2 quân đoàn chủ lực như trên buộc Quân đội Việt Nam Cộng hòa phải điều động, tập trung lực lượng phòng ngự ở phía Bắc từ Đà Nẵng ra Quảng Trị và phía Nam quanh Sài Gòn để bảo vệ cơ quan đầu não, do đó khoảng giữa là Tây Nguyên trở thành điểm hiểm yếu và sơ hở.

Cách tổ chức, bố trí lực lượng của bộ đội giải phóng làm cho đối phương rơi vào thế bị động, lúng túng, luôn bị áp lực, không rõ đâu là hướng tiến công chính của Quân Giải phóng mà đối phó. Trong khi đó, Quân Giải phóng chủ động tập trung lực lượng đánh vào nơi hiểm yếu. Chiến trường đã được xác định là Tây Nguyên, với ưu thế so sánh lực lượng hơn hẳn đối phương: “Về bộ binh, ta 5,5 địch có 1; về xe tăng, xe bọc thép, ta 1,2 địch có 1; về pháo lớn, ta 2,1 địch 1”¹³.

Khi Tây Nguyên bị thất thủ, các lực lượng tổng dự bị của Quân đội Việt Nam Cộng hòa bị vô hiệu hóa, không ứng cứu chi viện cho nhau được. Thế trận chiến tranh nhân dân “lợi hại và vững chắc là một nguyên nhân trực tiếp tạo nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đặc biệt là thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975”¹⁴.

3. Tác chiến liên hoàn, nhịp độ tiến công nhanh, chia cắt bao vây, chặn đường rút lui để tiêu diệt địch

Chưa kết thúc chiến dịch Tây Nguyên ta đã mở chiến dịch Huế - Đà Nẵng. Phương pháp tác chiến liên hoàn không phải là quyết định

tức thời, mà nằm trong dự tính. Ngay trong Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng, tại Tổng hành dinh, ngày 18-12-1974, bàn về kế hoạch quân sự năm 1975- 1976, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nêu yêu cầu: “Phải có trận tiêu diệt lớn ở Nam Tây Nguyên bằng cách đánh địch đang vận động. Yêu cầu là phải diệt từ 3 đến 5 sư đoàn địch trong một đợt hoạt động mạnh và gọn... Kế hoạch phải nêu rõ diệt địch ở Tây Nguyên, mở đầu bằng đánh Buôn Ma Thuột”¹⁵. Đại tướng Võ Nguyên Giáp dự kiến diễn biến chiến trường: “có thể sau khi ta tiêu diệt ở Buôn Ma Thuột, địch sẽ dao động, rối loạn, lúc đó ta phải chớp lấy thời cơ giải phóng Huế. Nếu lúc đó ta chậm chân, mỗi mết, để mùa mưa đến thì lỡ mất thời cơ”; và chỉ đạo “phải có kế hoạch bao vây chia cắt ngay từ bây giờ, không để cho địch co cụm chiến lược...phải hết sức khẩn trương, hết sức tập trung”¹⁶.

Trên chiến trường, khi bộ đội chủ lực Quân Giải phóng đang truy kích Quân đội Việt Nam Cộng hòa tháo chạy ở mặt trận Tây Nguyên, thì ngày 17-3-1975, Quân ủy Trung ương gửi Thường vụ Khu ủy và Quân ủy Quân khu 4, Thường vụ Đảng ủy B5 phải khẩn trương “đẩy mạnh tấn công của chủ lực từ phía tây thực hành chia cắt chiến lược giữa Huế - Đà Nẵng. Mạnh bạo cho lực lượng tiến xuống đồng bằng phát động quần chúng, đẩy mạnh chiến tranh nhân dân..., thực hiện phá vỡ thế phân tuyến, ngăn chặn của địch, kết hợp thật chặt chẽ chiến tranh nhân dân ở đồng bằng với tấn công của chủ lực ở phía Tây”¹⁷; không chờ giải phóng xong Huế, “mà ngay từ bây giờ, phải bắt đầu mở cuộc tiến công vào Đà Nẵng. Nhanh chóng đánh chiếm các điểm cao, cho xe tăng thọc sâu ngay, tận dụng tối đa khả năng của pháo binh để tiến công Đà Nẵng”¹⁸.

Phương pháp tác chiến liên hoàn, gói đầu liên tiếp với nhịp độ tấn công nhanh làm cho Quân đội

Việt Nam Cộng hòa lúng túng, bất ngờ, không kịp đối phó, hệ thống phòng ngự bị phá vỡ từng mảng, do đó, nhiều vùng đất đai rộng lớn được giải phóng nhanh hơn dự kiến ban đầu.

Cùng với phương pháp tác chiến liên hoàn là chia cắt, bao vây, chặn đường rút lui để tiêu diệt quân chủ lực của địch. Trong chiến dịch Huế - Đà Nẵng, Đảng chỉ đạo “chia cắt, bao vây tiêu diệt địch, ngăn chặn không cho chúng rút lui để tiêu diệt sinh lực của chúng và mở rộng vùng giải phóng của ta ở cả rừng núi, nông thôn và một số thị xã”¹⁹, “chặn và diệt địch được tốt, đánh quy, đánh thiệt hại nặng địch trong lúc chúng rút lui, không để chúng được yên ổn co cụm lại”²⁰.

Thực hiện chỉ đạo trên, các lực lượng vũ trang Quân khu Trị - Thiên và bộ đội Quân đoàn 2 từ các hướng đồng loạt tiến công, vượt qua tuyến phòng thủ, hình thành nhiều mũi bao vây tiêu diệt lực lượng của Quân đội Việt Nam Cộng hòa ở Huế; cắt đường số 1, chiếm đèo Hải Vân, chặn đường rút không cho đối phương co cụm về Đà Nẵng; dùng pháo tầm xa bắn vào sân bay Phú Bài không chế đường không; dùng pháo bắn vào cửa Thuận An và cửa Tư Hiền không cho tàu đối phương vào đón lính rút lui.

Ở mặt trận Đà Nẵng, lực lượng của Quân đoàn 2 và Quân đoàn 1 tiến đánh phía Tây Bắc, phía Bắc và Tây Nam Đà Nẵng. Sư đoàn 2 cùng với các lực lượng pháo binh, cao xạ, xe tăng, thiết giáp của Quân khu V bỏ qua các mục tiêu dọc đường tiến đánh ở phía Nam và Đông Nam Đà Nẵng, dùng pháo bắn vào hải cảng và sân bay không chế đường biển và đường không.

Phương pháp tác chiến liên hoàn, nhịp độ tiến công nhanh, chia cắt bao vây, chặn đường rút lui đã đánh đúng điểm yếu của đối phương đem lại hiệu quả to lớn. Các lực lượng vũ trang của ta ở chiến trường Huế - Đà Nẵng “tuy ít hơn địch, nhưng đã biết tận dụng thế mạnh, làm cho

lực mạnh hơn gấp nhiều lần để đánh kẻ địch tuy đông hơn, nhiều vũ khí trang bị hiện đại hơn mà phải tan tác quy hàng”²¹. Sau bốn ngày chiến đấu mạnh mẽ, “quân và dân ta đã tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn phòng ngự Thừa Thiên - Huế. Sư đoàn 1 bộ binh ngụy bị tiêu diệt và tan rã”²². Chỉ trong 32 giờ, cuộc tiến công của các binh đoàn chủ lực kết hợp với lực lượng vũ trang địa phương đã giải phóng hoàn toàn thành phố Đà Nẵng. 10 vạn quân Việt Nam Cộng hòa ở Đà Nẵng bị tiêu diệt và tan rã. Quân và dân ta thu và phá hủy 109 khẩu pháo, 138 xe tăng và xe bọc thép, 15 máy bay, 47 tàu chiến²³. Thắng lợi liên tiếp của chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch gỏi đầu Huế - Đà Nẵng đã đưa đến quyết tâm giải phóng Sài Gòn trong thời gian ngắn nhất, trước mùa mưa năm 1975.

4. Tổng công kích, tổng khởi nghĩa với tinh thần thần tốc giải phóng Sài Gòn

Sau thắng lợi liên tiếp ở Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng và vùng ven biển Trung Bộ, thế chiến lược của ta đã hơn hẳn và áp đảo đối phương. Trong khi đó, Quân đội Việt Nam Cộng hòa mất tinh thần, tháo chạy hỗn loạn, rơi vào thế co cụm, cố bám giữ vùng quanh Sài Gòn và những khu vực còn lại của vùng sông Cửu Long. Quân đội Việt Nam Cộng hòa đứng trước sự sụp đổ và diệt vong. Đế quốc Mỹ “tỏ ra hoàn toàn bất lực, dù có tăng viện cũng không thể cứu vãn tình thế sụp đổ đến nơi của ngụy”²⁴. Trước tình hình đó, ngay trong ngày giải phóng Đà Nẵng, ngày 29-3-1975, Nghị quyết đặc biệt của Hội nghị Trung ương Cục lần thứ 15 nhận định: “cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam không những đã bước vào thời kỳ phát triển nhảy vọt, mà thời cơ chiến lược để tiến hành cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào sào huyệt của địch đã chín muồi”²⁵. Tiếp đó, ngày 31-3-1975, Bộ Chính trị gửi điện về chuẩn bị gấp kế hoạch giải phóng Sài Gòn.

Tổng công kích, tổng khởi nghĩa đặt ra yêu cầu phải điều động kịp thời lực lượng và đảm bảo vật chất, hậu cần cho trận quyết chiến cuối cùng, trong khi đó đường sá bị sứt lở, cầu cống bị địch phá hỏng, Quân đội Việt Nam Cộng hòa ra sức ngăn chặn đà tiến công của Quân Giải phóng, hòng kéo dài đến mùa mưa, để “hy vọng mong manh vào một cứu cánh nào đó”²⁶. Trước tình hình đó, Bộ Chính trị quyết định “thực hiện tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất. Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng tư năm nay, không để chậm. Phải hành động “thần tốc, táo bạo, bất ngờ”²⁷. Trong lúc đối phương hoang mang, suy sụp, Đại tướng Võ Nguyên Giáp lệnh cho các đơn vị đang tiến vào chiến trường phải “*Thần tốc, thần tốc hơn nữa. Táo bạo, táo bạo hơn nữa. Tranh thủ từng giờ, từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng*”²⁸. Thần tốc không chỉ ở khâu chuẩn bị, sự cơ động của các đơn vị, mà còn được thực hiện trong cách đánh, “phát động tấn công thì phải tấn công thật mạnh và liên tục dồn dập cho đến toàn thắng, vừa phát động tấn công ở ngoại vi, vừa có lực lượng đã chuẩn bị, sẵn sàng nắm thời cơ chọc sâu vào trung tâm của Sài Gòn từ nhiều hướng, thực hiện từ trong đánh ra, từ ngoài đánh vào, tạo điều kiện cho đồng bào nổi dậy, không chia làm hai bước. Trong tình hình hiện nay thần tốc, táo bạo bất ngờ là ở chỗ đó”²⁹.

Năm cánh Quân Giải phóng gồm 4 quân đoàn và Đoàn 232 được trang bị vũ khí đầy đủ tập kết kịp thời, hình thành thế trận bao vây Sài Gòn, cùng với lực lượng chính trị và quần chúng tổng công kích, tổng khởi nghĩa. 17h ngày 26-4-1975, bộ đội chủ lực tổng công kích vào hệ thống phòng thủ của Quân đội Việt Nam Cộng hòa, tiến thẳng vào trung tâm Sài Gòn. Trong quá trình bộ đội chủ lực tiến công vào nội đô, “hoạt

động phổ biến của nhân dân là nổi dậy chiếm trụ sở phường, khóm, thu hồi vũ khí của cảnh sát và phòng vệ dân sự, tiêu diệt bọn tề điệp, giải tán chính quyền địch³⁰; dùng loa giải thích, kêu gọi địch đầu hàng. Công nhân, viên chức nhanh chóng chiếm và làm chủ nhà máy, công sở, chính quyền của nguy, không cho địch và phần tử xấu phá hoại, tẩu tán máy móc, vật liệu, hồ sơ tài liệu. Sự phối hợp giữa bộ đội và quần chúng nhân dân trong tổng tiến công và nổi dậy với tinh thần thần tốc đã giải phóng Sài Gòn nhanh gọn. Đó là thành công nổi bật nghệ thuật sử dụng bạo lực cách mạng của Đảng trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975.

Hiện nay, tình hình quốc tế đang diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Các nước lớn tăng cường điều chỉnh chiến lược, đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết; lôi kéo, tập hợp lực lượng, vừa hợp tác, thoả hiệp, vừa đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau và can dự, chi phối nội bộ nước khác. Các điểm nóng về an ninh có chiều hướng gia tăng, nguy cơ lan rộng, tác động đến hòa bình, an ninh và phát triển trên thế giới; xuất hiện các hình thái chiến tranh, loại hình tác chiến, không gian chiến lược, phương thức tiến hành chiến tranh mới. Tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo diễn ra căng thẳng, phức tạp, quyết liệt hơn, tiềm ẩn nhiều nguy cơ xung đột tác động đến an ninh, an toàn hàng hải, hàng không. Biển Đông, vùng biển Tây Nam và một số vùng chiến lược, địa bàn trọng điểm của đất nước còn tiềm ẩn các yếu tố gây mất ổn định. Trước tình hình đó, Việt Nam cần vận dụng linh hoạt và sáng tạo những bài học kinh nghiệm đúc rút từ việc thực hiện các phương pháp cách mạng, kế thừa nghệ thuật sử dụng bạo lực cách mạng trong Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 ở tầm cao mới. Đặc biệt, cần phát huy vai trò to lớn của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

thực hiện hiệu quả đường lối quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân với phương châm dựa vào dân, “dân là gốc”; xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc, yên dân là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kiên quyết, kiên trì, tận dụng mọi thời cơ, lợi thế, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, không ngừng gia tăng tiềm lực, sức mạnh tổng hợp để phát triển bứt tốc, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển của dân tộc.

1, 2. Lê Duẩn, *Thư vào Nam*, Nxb QĐND, 2005, tr 373, 381, 382

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2004, T. 36, tr 6

4, 6, 8, 9, 17, 19, 20, 24, 25, 27, 29, Đảng Cộng sản Việt Nam: *Đại thắng Mùa Xuân năm 1975-Văn kiện Đảng*, Nxb CTQG, H, 2005, tr: 45, 46, 59-60, 46-47, 148-149, 156, 172, 207, 207-208, 222-223, 264

5, 13. Đại tướng Văn Tiến Dũng: *Đại thắng Mùa xuân*, Nxb CTQG, H, 2005, tr: 46, 54

7. Xem: Nguyễn Văn Bạo, *Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 - Nét đặc sắc của nghệ thuật quân sự Việt Nam*, <https://www.qdnd.vn/quoc-phong-an-ninh/xay-dung-quan-doi/tong-tien-cong-va-noi-day-mua-xuan-1975-net-dac-sac-cua-nghe-thuat-quan-su-viet-nam-257689>, ngày đăng 12-3-2015

10, 11, 12, 14. Hoàng Minh Thảo: *Nghệ thuật quân sự Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, H, tr: 85, 90, 90-91, 95

15, 16, 18, 28. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong Mùa xuân toàn thắng*, Nxb CTQG, H, 2015, tr: 151, 151-152, 230, 280

21, 22, 26, 30. Hoàng Minh Thảo: *Bàn về nghệ thuật quân sự*, Nxb CTQG, H, 2007, tr: 270, 261, 277, 315

23. Xem: Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện Sử học: *Lịch sử Việt Nam 1965-1975*, Nxb KHXH, H, 2002, tr: 535.